

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày 06-01-2021

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Văn Điệp**

2. Ông **Huỳnh Văn Năm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Len** – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà **Trần Hồng Cẩm** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 558/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 612/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1956 (Có mặt). Trú tại: Ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông **Quách Bé B**, sinh năm 1973 (Vắng mặt); bà **Ngô Hồng X**, sinh năm 1982 (Vắng mặt); Cùng trú tại: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông **Phạm Văn T** trình bày: Ngày 25/8/2019 âl, ông có cho vợ chồng ông B và bà X vay số tiền 90.000.000 đồng, với lãi suất 0,3%/tháng. Ông B có viết "Giấy vay tiền ngày 25/8/2019 âl" và từ ngày vay đến nay vợ chồng ông B, bà X chưa trả cho ông khoản tiền gốc, lãi nào. Mặc khác, khi vay vợ chồng ông B, bà X có thể chấp cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho việc vay. Khoảng 10 ngày sau, vợ chồng ông B, bà X đến nhà ông để mượn lại để thế chấp ngân hàng vay vốn trả nợ cho ông, nhưng vợ chồng ông B, bà X lại không thực hiện. Ông có yêu cầu đến Tổ hòa giải ấp 5, xã Trần Hợi để hòa giải, nhưng vợ chồng ông B, bà X không tham gia.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông B, bà X trả tiền vay gốc 90.000.000 đồng và 11 tháng tiền lãi theo mức lãi suất do Nhà nước quy định.

Đối với bị đơn ông **Quách Bé B** và bà **Ngô Hồng X**: Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết đúng theo quy định, như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Nhưng, ông B và bà X vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại, phiên tòa ông T có thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông B, bà X trả tiền vay gốc 90.000.000 đồng, còn khoản tiền lãi không có yêu cầu.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Còn bị đơn không thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, do bị đơn không chấp hành đúng theo triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T; Buộc bị đơn ông Quách Bé B và bà Ngô Hồng X trả tiền vay cho ông T số tiền 90.000.000 đồng. Ông B, bà X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Do, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[4] Về pháp luật áp dụng: Do giao dịch giữa các đương sự được diễn ra sau ngày Bộ luật dân sự năm 2015 (có hiệu lực ngày 01/01/2017), mà có tranh chấp thì áp dụng

quy định của Bộ luật dân sự số: 91/2015/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số: 91/2015/QH13, để giải quyết, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

[5] Ngày 25/8/2019 âl, ông T có cho vợ chồng ông B và bà X có vay số tiền 90.000.000 đồng, với lãi suất 0,3%/tháng. Ông T có cung cấp “Giấy vay tiền ngày 25/8/2019 âl”, nhưng chỉ có ông B ký tên và không có người khác chứng kiến hoặc có chính quyền địa phương xác nhận. Tuy nhiên, ông T có cung cấp thêm “Biên bản hòa giải vay nợ ngày 26/7/2020” của Tổ hòa giải ấp 5, xã Trần Hợi. Ông T xác định, do vợ chồng ông B và bà X vay tiền không trả, nên ông có yêu cầu đến Tổ hòa giải ấp 5, xã Trần Hợi hòa giải. Tại, Biên bản làm việc với ông Trần Ngọc Khám (Bí thư Chi bộ ấp 5) xác định, sau khi tiếp nhận yêu cầu của ông T, do vợ chồng ông B và bà X không có ở địa phương, nên ông liên hệ bằng điện thoại để trao đổi, thì vợ chồng ông B và bà X thừa nhận có thiếu ông T tiền vay 90.000.000 đồng và đến nay chưa trả. Như vậy, lời xác nhận của ông Trần Ngọc Khám (Bí thư Chi bộ ấp 5) phù hợp với lời trình bày của ông T, cũng như tài liệu, chứng cứ mà ông T đã cung cấp và có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Do đó, cần buộc vợ chồng ông B và bà X trả cho ông T tiền vay 90.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, là có cơ sở.

[6] Đối với khoản tiền 11 tháng tiền lãi, do ông T không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời nhận định phù hợp với Hội đồng xét xử, nên có cơ sở để chấp nhận.

[8] Về án phí: Do, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, nên cần buộc ông B và bà X phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 4.500.000 đồng (90.000.000 đồng x 5% = 4.500.000 đồng), theo khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với, ông T thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và được miễn dự nộp tạm ứng án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không đặt ra xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 466; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Điều 3; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2

Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T đối với bị đơn ông Quách Bé B và bà Ngô Hồng X.

2. Buộc ông Quách Bé B và bà Ngô Hồng X trả cho ông Phạm Văn T số tiền vay 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày ông Phạm Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Quách Bé B và bà Ngô Hồng X không thi hành xong khoản tiền trên, ông Quách Bé B và bà Ngô Hồng X còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền (90.000.000 đồng) và thời gian chậm trả.

4. Về án phí: Buộc ông Quách Bé B và bà Ngô Hồng X phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng – Chưa nộp). Đối với, ông Phạm Văn T thuộc đối tượng miễn dự nộp tạm ứng án phí, nên không đặt ra xử lý.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Quách Bé B và bà Ngô Hồng X được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: “Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Thành Quang